

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2017/DS-ST.

Ngày 29 - 9 - 2017.

V/v: T/C hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLST- DS, ngày 28 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974

Cư ngụ: Tổ 6, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Tú E, sinh năm: 1985

Cùng cư ngụ: Tổ 4, ấp T, xã A, huyện H, Bình Phước.

Tại phiên Tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2012 chị Nguyễn Thị H là chủ hụi và chị Nguyễn Tú E có chơi hụi nợ lại 11.800.000đ, ngày 23/5/2012 chị Tú E mượn 02 lần tiền là 20.000.000đ và cũng vào thời gian năm 2012 chị H có bán phân bò cho anh T, chị Tú E và có nợ chị H là 10.000.000đ. Đến ngày 02/8/2013 anh Nguyễn Văn T mượn tiếp 20.000.000đ, ngày 06/7/2013 (âm lịch) mượn 10.000.000đ. Sau đó vợ chồng anh T, chị Tú E đã trả cho

chị H số tiền 30.000.000đ nên còn nợ lại 41.800.000đ và hai bên có làm giấy nhận nợ ngày 06/6/2013. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E trả lại số tiền đã vay còn lại 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) vào ngày 06/6/2013 và tiền lãi đã vay từ ngày khởi kiện cho đến phiên Tòa xét xử sơ thẩm.

Theo hồ sơ trong biên bản tự khai, hòa giải anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 23/5/2013, vợ chồng anh Nguyễn Văn T có mượn của chị H số tiền 30.000.000đ, đến ngày 26/6/2013 thì do hui vợ chồng anh T chơi của chị H không hết được để trả nợ nên anh T có viết cho chị H giấy nợ 41.800.000đ (trong đó: nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi 11.800.000đ). Đến ngày 02/8/2013 anh T hết hui chị H đã trả 20.000.000đ, mùa tiêu năm 2014 anh T bán tiêu đã trả cho chị H 10.000.000đ và số tiền còn lại 11.800.000đ thì ngày 18/5/2015 anh T dẫn chị H mua đất của bà Vũ Thị T và đã trả tiền hết cho chị H. Do đó anh T đã trả hết số nợ cho chị H 41.800.000đ nên trước yêu cầu khởi kiện của chị H thì anh T không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tú E trong biên bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:

Vào năm 2013, vợ chồng chị Tú E có vay của chị H số tiền 20.000.000đ và chưa trả tiền. Đối với số tiền anh T mượn của chị H bao nhiêu thì chị Tú E không biết nhưng vào tháng 9/2013 chị Tú E hết hui của chị H và đã trả nợ thay cho anh T nên anh T không còn nợ chị H. Do đó, trước yêu cầu của chị H buộc vợ chồng chị Tú E trả số tiền 41.800.000đ thì chị Tú E không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả số tiền 20.000.000đ đã vay vào năm 2013.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu ý kiến như sau: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. - Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. - Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân Hàng nhà nước kể từ ngày 28/6/2017 cho đến phiên Tòa xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2017 do vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện Hớn Quản; chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) đã vay nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Tú E. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho anh T, chị Tú E theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt 02 lần không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Từ năm 2012 đến năm 2013 giữa chị Nguyễn Thị H và vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E có quan hệ trong việc chơi hụi, mượn tiền và mua bán phân bò. Ngày 06/6/2013, anh Nguyễn Văn T có viết giấy nhận nợ chị H với số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng). Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị H đều yêu cầu anh T, chị Tú E phải trả số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi từ thời gian ngày khởi kiện đến phiên tòa xét xử sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E không có mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản tự khai ngày 05, 11/7/2017, biên bản hòa giải ngày 11/7/2017 thì cũng thừa nhận ngày 06/6/2013 anh T có viết giấy nhận nợ với chị H số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) nhưng anh T xác định đã trả cho chị H hết nợ nên trước yêu cầu của chị H thì anh T không đồng ý trả nợ. Đối với ý kiến của chị Tú E thì vợ chồng chỉ còn nợ lại số tiền 20.000.000đ đã vay năm 2013 còn số tiền anh T nợ thì chị Tú E đã thanh toán cho chị H nên chị Tú E chỉ chấp nhận trả 20.000.000đ. Đối với ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tú Em xác định đã trả nợ cho chị H nhưng Tòa án đã tổng đạt quyết định cung cấp chứng cứ số:26/2017/QĐ – CCTLCC ngày 20/7/2017 để anh T, chị Tú E cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhưng anh T, chị Tú E đã nhận hợp lệ nhưng vẫn không cung cấp chứng cứ. Mặc khác giữa các bên có mâu thuẫn với nhau về số tiền chơi hụi cũng như số tiền trả nợ; anh T và chị Tú E có quan hệ vợ chồng nhưng giữa các bên cũng mâu thuẫn với nhau về số tiền nợ chị H. Anh T thì xác định đã trả hết nợ cho chị H còn chị Tú E thì thừa nhận còn nợ chị H số tiền 20.000.000đ. Ngày 20 tháng 7 năm 2017, Tòa án đã ra thông báo đối chất các mâu thuẫn về việc chơi hụi, chi trả tiền hụi, số tiền đã vay cũng như số tiền còn nợ lại giữa chị H, anh T và chị Tú E nhưng anh T, chị Tú E vẫn vắng mặt do đó anh T, chị Tú E đã từ bỏ quyền lợi ích của mình. Từ đó Hội đồng xét xử chỉ đánh giá chứng cứ trên giấy tờ vay mượn ngày 06/6/2013 mà anh T đã thừa nhận làm căn cứ giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay

không kỳ hạn và không có lãi được quy định Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận. Do chị Tú E cũng thừa nhận vợ chồng có nợ chị H số tiền 20.000.000đ và căn cứ vào Điều 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Tú E phải có trách nhiệm chung với anh T trả nợ cho chị H. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Tú Em trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 41.800.000đ (bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) đã vay ngày 06/6/2013.

[3] Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Tú E từ ngày 28/6/2017 cho đến phiên Tòa xét xử ngày 29/9/2017. Hội đồng xét xử xác định việc các bên lập giấy ghi nợ và nội dung không có thỏa thuận lãi nhưng khi chị H thông báo anh T, chị Tú E trả nợ và Tòa án thụ lý vụ án ngày 28/6/2017 thì nghĩa vụ chậm trả tiền là kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án nên căn cứ vào Điều 351, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của chị H là có cơ sở và được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh T, chị Tú E trả lãi chậm trả và thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/6/2017 cho đến ngày xét xử là 03 tháng. Mức lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ cũng như thời điểm xét xử theo quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm và số tiền lãi là $42.800.000đ \times 0,75\%/tháng \times 3 tháng = 922.500đ$.

Tổng số tiền anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E phải trả cho chị H là: 41.800.000đ nợ gốc + 922.500đ tiền lãi = 42.722.500đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên cần buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 351, 357; Điều 463, 466; 468 khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26 Luật Thị hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Nguyễn Thị H.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E trả số tiền 42.722.500đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng) cho chị Nguyễn Thị H. Trong đó tiền vay ngày 06/6/2013 là 41.800.000đ và tiền lãi là 922.500đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.136.000đ (hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả án phí cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.045.000đ theo biên lai số 0012206 ngày 28/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Tú E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Võ Văn Vân